

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HƯNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2020/HS-ST

Ngày: 20 - 11 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Duy Diên

2. Bà Trần Thị Nơi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông L Văn Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 11 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 101/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2020/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn H**, sinh năm 1958; tại huyện V, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Tổ dân phố số 03x Ph, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/10; Con ông Trần Văn Th và bà Hoàng Thị Th (đều đã chết). Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1963, có 04 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 2003. Nhân thân:

- Ngày 02/01/1971, bị UBND tỉnh Hà Nam áp dụng biện pháp xử lý hành chính “Đưa vào trường giáo dưỡng”, chấp hành xong ngày 18/9/1975.

- Bản án số 59 ngày 20/8/1977, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, chấp hành xong ngày 12/8/1979

- Bản án số 13 ngày 15/5/1981, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”, chấp hành xong năm 1985

- Bản án số 110 ngày 15/11/1989, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 10 năm tù về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”, chấp hành xong năm 1997

- Bản án số 38/2012/HSST ngày 13/8/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 03/9/2013

- Bản án số 15/2015/HSST ngày 15/4/2015, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 16/11/2016.

Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 20/2019/HS-ST, ngày 07/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 08/01/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình, trích xuất có mặt.

\* Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H: Ông Vũ Ngọc Trinh – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình (Có mặt).

**2. Trần Thị Quỳnh Tr**, sinh ngày 10 tháng 7 năm 1989; tại thành phố N, tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: Thôn 3x, xã H, huyện L, tỉnh H. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn Giáo: Thiên chúa giáo; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông Trần Văn H, sinh năm 1958 và bà Trần Thị H, sinh năm 1963. Chồng Trần Đức T, sinh năm 1989, có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/7/2020, chuyển tạm giam ngày 23/7/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình, trích xuất có mặt.

**\* Bị hại:**

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Bà Trần Thị S, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Chị Trần Thị S1, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Trịnh Ngọc L, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Ông Đỗ Văn L1, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Anh Trần Đức T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 3x, xã H, huyện L, tỉnh H

- Bà Trần Thị H2, sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ dân phố số 3x, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định

- Anh Trần Duy H3, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4x, phường Tr, thành phố N, tỉnh Nam Định

- Ông Đới Văn Ch, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số nhà 7x, đường , phường Ng, thành phố N, tỉnh Nam Định

**\* Người làm chứng:**

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Ông Lê Nguyên T, sinh năm 1963

- Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1962

- Anh Phạm Văn Kh, sinh năm 1986

- Chị Ngô Thị H5, sinh năm 1977

Đều ở địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Anh Phạm Công H6, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định

- Chị Trần Thu H6, sinh năm 1980

- Chị Hà Thị Th, sinh năm 1974

Đều ở địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Chị Vũ Thị M, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Chị Đào Thị V, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn D, xã Th, huyện T, tỉnh Hưng Yên

- Chị Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1974

Địa chỉ: Khu T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Bà S, chị S1, ông L, anh T có mặt; Chị H, chị V, ông L, bà H, anh H, ông Ch, bà D, ông T, ông H, anh Kh, chị H, anh H, chị H, chị Th, chị M, chị V, chị Kh vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ ngày 23/6/2020 đến ngày 20/7/2020, Trần Văn H, Trần Thị Quỳnh Tr đã 04 lần thực hiện các hành vi “Trộm cắp tài sản”, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 22/6/2020, H gọi điện rủ Tr đi trộm cắp tài sản, Tr đồng ý, khoảng 05 giờ, ngày 23/6/2020, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 18Z5-67xx chở Tr sang Thái Bình (có mang theo 01 vạm phá khóa và 01 kìm màu đen), khi đến chợ M, xã H, huyện H, H bảo Tr đứng canh giới còn H đi vào trong chợ, phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 17F1-18xx của chị Nguyễn Thị H1, H dùng vạm phá khóa điện, nổ máy điều khiển xe ra chỗ Tr rồi cả hai đi về nhà. Sau đó H đem bán xe trộm cắp được cho Trần Ngọc D, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện M, tỉnh Nam Định với giá 2.000.000 đồng, H chia cho Tr 300.000 đồng.

- Lần thứ 2: Khoảng 05 giờ ngày 05/7/2020, H gọi điện rủ Tr đi trộm cắp tài sản, Tr đồng ý, cả hai đi đến khu vực chợ B thôn L, xã T, huyện H, Tr đứng ngoài canh giới, H đi vào trong chợ và phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Wave Anpha, biển kiểm soát 17B4-260.xx của chị Nguyễn Thị V. H dùng vạm phá khóa ổ điện, nổ máy và điều khiển xe của chị V đi về nhà. Sau đó H mang bán cho Trần Ngọc D với giá 2.000.000 đồng, chia cho Tr 300.000 đồng.

- Lần thứ 3: Khoảng 05 giờ ngày 17/7/2020, H gọi điện rủ Tr đi trộm cắp tài sản, Tr đồng ý, cả hai đi đến khu vực chợ T, thôn Ph, xã T, huyện H, Tr đứng ngoài cảnh giới, H đi vào trong chợ và phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Wave Anpha, biển kiểm soát 17B4-080.xx của bà Trần Thị S. H dùng vạm phá khóa ổ điện, nổ máy và điều khiển xe của bà S đi về nhà. Sau đó H mang bán cho Trần Ngọc D với giá 2.000.000 đồng, chia cho Tr 200.000 đồng.

- Lần thứ 4: Khoảng 05 giờ ngày 20/7/2020, H gọi điện rủ Tr đi trộm cắp tài sản, Tr đồng ý, cả hai đi đến khu vực chợ H, thôn Q, xã T, huyện H, Tr đứng ngoài cảnh giới, H đi vào trong chợ. Một lúc sau Tr đi vào trong chợ và phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 89M1-140.xx của chị Trần Thị S1, Tr đi bộ đến và dịch chuyển xe mô tô của chị S1 tách ra khỏi các phương tiện khác rồi ra hiệu cho H vào lấy xe. H dùng vạm phá khóa ổ điện, nổ máy và đi ra đến cổng chợ thì bị chị S1 cùng quần chúng nhân dân phát hiện bắt giữ được Tr còn H điều khiển xe mô tô bỏ chạy. Sau đó H mang xe trộm cắp được của chị S1 bán cho Trần Ngọc D với giá 1.500.000 đồng.

Bản kết luận định giá tài sản số 33, 34, 35, 36, ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng định giá huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, sơn màu nâu, biển kiểm soát 17F1-18xx đã qua sử dụng tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là: 11.000.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Anpha, biển kiểm soát 17B4-260.xx tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 12.000.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Anpha, biển kiểm soát 17B4-080.xx tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 8.000.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 89M1-140.xx tại thời điểm bị xâm hại có giá trị thành tiền là 15.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 102/CT-VKSHH ngày 08 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà đã truy tố các bị cáo: Trần Văn H, Trần Thị Quỳnh Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Trần Văn H, Trần Thị Quỳnh Tr khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản Cáo trạng.

Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới do đó đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên các bị cáo: Trần Văn H, Trần Thị Quỳnh Tr về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điểm g, h khoản 1 điều 52; điều 17; điều 50; 58; 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Văn H từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính ngày bắt tạm giam 22/7/2020.

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 17; điều 50; 58; 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Thị Quỳnh Tr từ 02 (hai) năm tù đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính ngày tạm giữ 20/7/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

\* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự:

Buộc các bị cáo H, Tr pH liên đới bồi thường cho:

- Chị Nguyễn Thị H1 số tiền 11.000.000 đồng, kỷ phần của các bị cáo: Bị cáo H: 5.500.000 đồng; bị cáo Tr: 5.500.000 đồng)

- Chị Nguyễn Thị V số tiền 12.000.000 đồng, kỷ phần của các bị cáo: Bị cáo H: 6.000.000 đồng; bị cáo Tr: 6.000.000 đồng)

- Bà Trần Thị S số tiền 8.000.000 đồng, kỷ phần của các bị cáo: Bị cáo H: 4.000.000 đồng; bị cáo Tr: 4.000.000 đồng)

- Chị Trần Thị S1 số tiền 15.000.000 đồng, kỷ phần của các bị cáo: Bị cáo H: 7.500.000 đồng; bị cáo Tr: 7.500.000 đồng)

\* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu tím; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu vàng;

- Tịch thu Ngân sách Nhà nước số tiền 505.000 đồng của bị cáo H;

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc mũ lưỡi trai bằng vải màu đen; 01 áo sơ mi màu xám; 01 mũ bảo hiểm loại mũ lưỡi trai màu đen có sọc trắng;

+ Trả lại anh Trần Đức T 01 (một) chiếc gương chiếu hậu bên pH xe máy; 01 chiếc bộ xe máy;

+ Trả lại bà Trần Thị H2 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo RC, màu sơn vàng, đen, biển kiểm soát 18B1-35718; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát 18Z5-67xx;

+ Trả lại bị cáo H 01 ví giả da màu đen; 01 CMND mang tên Trần Văn H;

+ Trả lại bị cáo Tr 01 áo chống nắng màu đỏ, chấm bi màu trắng; 01 chiếc khăn Tr màu xanh, chấm bi màu trắng; 01 mũ bảo hiểm màu vàng hai bên có in hình các con vật; số tiền 396.000 đồng;

Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử quyết định án phí đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Tr không có tranh luận.

Quan điểm bào chữa của ông Vũ Ngọc Trịnh – Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H: Hoàn toàn nhất trí với tội danh, điều luật theo đề nghị tại bản luận tội của Viện kiểm sát. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo, học vấn thấp, không có thu nhập, sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo H nhất trí với quan điểm bào chữa của ông Trịnh và không có tranh luận bổ sung.

Bà S, chị S1 đề nghị xử lý các bị cáo nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Anh T, ông L không có tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo H, Tr đều đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hưng Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trước phiên tòa hôm nay cũng như tại cơ quan điều tra, các bị cáo H, Tr đều khai: Trong các ngày 23/6/2020; ngày 05/7/2020; ngày 17/7/2020 và ngày 20/7/2020 đã cùng nhau trộm cắp tài sản của những bị hại gồm: Chị Nguyễn Thị H1 01 xe mô tô Dream, biển kiểm soát 17F1-18xx, trị giá 11.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị V xe mô tô Wave Anpha, biển kiểm soát 17B4-260.xx trị giá 12.000.000 đồng; bà Trần Thị S xe mô tô Wave Anpha, biển kiểm soát 17B4-080.xx trị giá 8.000.000 đồng; chị Trần Thị S1 xe mô tô Dream, biển kiểm soát 89M1-140.xx trị giá 15.000.000 đồng. Lời khai của các bị cáo đều thống nhất và là chứng cứ buộc tội cho nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại: Chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị V, bà Trần Thị S, chị Trần Thị S1; Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Ngọc L, ông Đỗ Văn L1, anh Trần Đức T, bà Trần Thị H2, anh Trần Duy H3, ông Đới Văn Ch. Lời khai của những người làm chứng bà D, ông T, ông Hùng, anh Kh, chị H, anh H, chị H, chị H, chị M, chị V, chị Kh. Ngoài ra còn được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; sơ đồ và biên bản xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường; biên bản nhận dạng; các bản kết luận định giá tài sản số 33, 34, 35, 36 ngày 20/8/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Hưng Hà. Như vậy có đầy đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Trần Văn H, Trần Thị Quỳnh Tr đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”; Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173 BLHS: Tội Trộm cắp tài sản.

*"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*

.....  
*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."*

[3] Đánh giá tính chất, hậu quả vụ án thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, an ninh xã hội, gây tư tưởng hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Trong thời gian ngắn, H đã cùng Tr 04 lần

thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” với tổng giá trị tài sản là 46.000.000 đồng, như vậy đã phạm vào quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy pH có hình phạt nghiêm minh, buộc các bị cáo cánh ly khỏi đời sống xã hội thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thấy: Bị cáo H 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, có 01 tiền án chưa được xóa án tích, đây là các tình tiết tăng nặng “Tái phạm” và “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g, h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự; Bị cáo Tr 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo H, Tr chỉ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, H là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, đồng thời là người thực hành tích cực và trực tiếp tiêu thụ tài sản trộm cắp nên xếp vai trò cao hơn Tr trong vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, tính chất, mức độ tham gia phạm tội để quyết định mức hình phạt tương ứng với từng bị cáo.

[6] Các bị cáo H, Tr nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Đối với Trần Ngọc D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà đã triệu tập Dưỡng đến làm việc, tuy nhiên Dưỡng không có mặt tại địa phương, không ghi được lời khai, ngoài lời khai của H, không còn tài liệu khác xác định Dưỡng đã mua 04 xe mô tô do H và Tr trộm cắp. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hưng Hà đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh là đúng quy định của pháp luật.

[8] Trách nhiệm dân sự: Chị Huyền, chị V, bà Sự, chị S1 yêu cầu các bị cáo H, Tr pH liên đới bồi thường trách nhiệm dân sự, cụ thể: Chị Huyền số tiền 11.000.000 đồng; chị V số tiền 12.000.000 đồng; bà Sự số tiền 8.000.000 đồng; chị S1 số tiền 15.000.000 đồng. Xét thấy các yêu cầu của những bị hại là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận. Buộc các bị cáo H, Tr pH liên đới bồi thường cho

- Chị Nguyễn Thị H1 số tiền 11.000.000 đồng, kỷ phần của các bị cáo: Bị cáo H: 5.500.000 đồng; bị cáo Tr: 5.500.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị V số tiền 12.000.000 đồng, kỷ phần của các bị cáo: Bị cáo H: 6.000.000 đồng; bị cáo Tr: 6.000.000 đồng.

- Bà Trần Thị S số tiền 8.000.000 đồng, kỷ phần của các bị cáo: Bị cáo H: 4.000.000 đồng; bị cáo Tr: 4.000.000 đồng.

- Chị Trần Thị S1 số tiền 15.000.000 đồng, kỷ phần của các bị cáo: Bị cáo H: 7.500.000 đồng; bị cáo Tr: 7.500.000 đồng.

[9] Xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu tím của bị cáo H; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu vàng của bị cáo Tr. Xác định đây là phương tiện các bị cáo

dùng để liên lạc đi trộm cắp tài sản nên tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước;

- Số tiền 505.000 đồng quản lý của bị cáo H. Xác định đây là số tiền do trộm cắp tài sản mà có nên tịch thu hóa giá sung Ngân sách Nhà nước;

- Bị cáo H không đề nghị nhận lại 01 chiếc mũ lưỡi trai bằng vải màu đen; 01 áo sơ mi màu xám; 01 mũ bảo hiểm loại lưỡi trai màu đen có sọc trắng. Xác định các vật dụng này đã cũ, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- + 01 (một) chiếc gương chiếu hậu bên pH xe máy; 01 chiếc bộ xe máy quản lý của anh Trần Đức T, xác định các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho anh T;

- + 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo RC, màu sơn vàng, đen, biển kiểm soát 18B1-35718; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát 18Z5-67xx quản lý của bà Trần Thị H2, xác định các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bà Hoàn;

- + 01 ví giả da màu đen; 01 CMND mang tên Trần Văn H quản lý của bị cáo H, xác định các tài sản và giấy tờ này không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo H;

- + 01 áo chống nắng màu đỏ, chàm bi màu trắng; 01 chiếc khẩu Tr màu xanh, chàm bi màu trắng; 01 mũ bảo hiểm màu vàng hai bên có in hình các con vật; số tiền 396.000 đồng quản lý của bị cáo Tr, xác định các tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Tr;

Về án phí: Bị cáo Tr pH chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo H là người cao tuổi, hoàn cảnh gia đình khó khăn (thuộc diện hộ nghèo) nên miễn án phí hình sự và án phí dân sự cho bị cáo.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Trần Thị Quỳnh Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- \* Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điểm g, h khoản 1 điều 52; điều 17; điều 50; điều 58; điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Văn H: 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính ngày bắt tạm giam 22/7/2020.

- \* Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 17; điều 50; điều 58; điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Trần Thị Quỳnh Tr: 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính ngày tạm giữ 20/7/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự:

Buộc các bị cáo Trần Văn H, Trần Thị Quỳnh Tr pH liên đới bồi thường cho các bị hại:



- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983, nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình số tiền 11.000.000 đồng (kỷ phần của bị cáo H: 5.500.000 đồng; bị cáo Tr: 5.500.000 đồng).

- Chị Nguyễn Thị V, sinh năm 1993, nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình số tiền 12.000.000 đồng (kỷ phần của bị cáo H: 6.000.000 đồng; bị cáo Tr: 6.000.000 đồng).

- Bà Trần Thị S, sinh năm 1965, nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình số tiền 8.000.000 đồng (kỷ phần của bị cáo H: 4.000.000 đồng; bị cáo Tr: 4.000.000 đồng).

- Chị Trần Thị S1, sinh năm 1975, nơi cư trú: Thôn H Triều, xã Tân Lễ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình số tiền 15.000.000 đồng (kỷ phần của bị cáo H: 7.500.000 đồng; bị cáo Tr: 7.500.000 đồng).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu hóa giá sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu tím; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu vàng;

- Tịch thu Ngân sách Nhà nước số tiền 505.000 đồng của bị cáo H;

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc mũ lưỡi trai bằng vải màu đen; 01 áo sơ mi màu xám; 01 mũ bảo hiểm loại lưỡi trai màu đen có sọc trắng;

+ Trả lại anh Trần Đức T 01 (một) chiếc gương chiếu hậu bên pH xe máy; 01 chiếc bộ xe máy;

+ Trả lại bà Trần Thị H2 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo RC, màu sơn vàng, đen, biển kiểm soát 18B1-35718; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, biển kiểm soát 18Z5-67xx;

+ Trả lại bị cáo H 01 ví giả da màu đen; 01 CMND mang tên Trần Văn H;

+ Trả lại bị cáo Tr 01 áo chống nắng màu đỏ, chấm bi màu trắng; 01 chiếc khẩu Tr màu xanh, chấm bi màu trắng; 01 mũ bảo hiểm màu vàng hai bên có in hình các con vật; số tiền 396.000 đồng;

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Thị Quỳnh Tr pH nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 1.150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Trần Văn H

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện*

*thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Các bị cáo H, Tr; bị hại bà Sự, chị S1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh T, ông L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Công an huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Bị cáo
- Bị hại; Người có QLVN liên quan;
- Trại tạm giam CA Thái Bình;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quang Trác**